

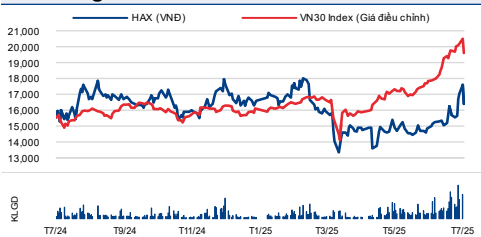
Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ14,800
Tiềm năng tăng/giảm: -9.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/7/2025)	16,400
Mã Bloomberg	HAX VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	13,350-18,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	17,017
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	1,762
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	67.2
Slg CP lưu hành (tr.đv)	107
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	53.7
Slg CP NN được mua (tr.đv)	29.9
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.2%
Tỷ lệ freefloat	56.7%
Cổ đông lớn	Tiến Dũng và gia đình (33.2%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	5,513	7,394	9,193
EBITDA đc (tỷ đồng)	337	365	442
LN TT (tỷ đồng)	258	287	352
LNT ĐC (tỷ đồng)	125	143	173
FCF (tỷ đồng)	(4.33)	78.0	(47.0)
EPS ĐC (đồng)	1,163	1,329	1,606
DPS (đồng)	1,000	1,200	1,500
BVPS (đồng)	13,875	14,004	14,110
T.trưởng EBITDA (%)	211	8.31	21.0
T.trưởng EPS ĐC (%)	214	14.2	20.9
Tăng trưởng DPS (%)	233	20.0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	6.11	4.94	4.80
Tỷ suất LN TT (%)	4.69	3.89	3.83
Tỷ suất LNT ĐC (%)	2.27	1.93	1.88
Tỷ lệ LN trả CT (%)	86.0	90.3	93.4
Nợ thuần/VCSH (%)	39.2	49.6	70.6
ROAE (%)	10.8	11.8	14.1
ROACE (%)	21.1	21.2	25.9
EV/doanh thu (lần)	0.39	0.31	0.27
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.44	6.18	5.64
P/E ĐC (lần)	14.1	12.3	10.2
P/B (lần)	1.18	1.17	1.16
Lợi suất cổ tức (%)	6.10	7.32	9.15

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

HAX là nhà phân phối của Mercedes-Benz Việt Nam (MBV) và gần đây đã mở rộng phân phối cho một số thương hiệu khác như Nissan và MG.

Chuyên viên phân tích

Mai Đoàn Ngọc Hân

Chuyên viên phân tích cao cấp, Ngành
han.mdn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q2/2025: Ghi nhận lỗ thuần do mảng phân phối xe Mercedes kém tích cực

- HAX ghi nhận KQKD Q2/2025 yếu với doanh thu thuần đạt 1.029 tỷ đồng (giảm 8% so với cùng kỳ nhưng tăng 7% so với quý trước) và lỗ thuần 4 tỷ đồng (so với lợi nhuận thuần 8 tỷ đồng trong Q2/2024 và 5 tỷ đồng trong Q1/2025), thấp hơn nhiều so với dự báo của HSC là lợi nhuận thuần đạt 20 tỷ đồng.
- Kết quả yếu này là do mảng phân phối xe Mercedes (do công ty mẹ vận hành) ghi nhận lỗ, trong khi mảng phân phối xe MG do công ty con PTM vận hành (HAX sở hữu 51,6% cổ phần, chưa niêm yết) cũng ghi nhận LNST giảm so với cùng kỳ, do chi phí gia tăng.
- Tính chung nửa đầu năm 2025, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 1.988 tỷ đồng (giảm 8% so với cùng kỳ) và 1 tỷ đồng (giảm 98% so với cùng kỳ), bằng lần lượt 26,9% và 0,5% dự báo cả năm của HSC. HSC đang xem xét lại giá mục tiêu, khuyến nghị và dự báo đối với HAX.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2025

HAX ghi nhận KQKD Q2/2025 đáng thất vọng với doanh thu thuần đạt 1.029 tỷ đồng (giảm 8% so với cùng kỳ nhưng tăng 7% so với quý trước) và lỗ thuần 4 tỷ đồng (so với lợi nhuận thuần 8 tỷ đồng trong Q2/2024 và 5 tỷ đồng trong Q1/2025), thấp hơn nhiều so với dự báo của HSC là lợi nhuận thuần đạt 20 tỷ đồng. Khoản lỗ trong kỳ chủ yếu đến từ kết quả kém tích cực của mảng phân phối xe Mercedes.

Tính chung nửa đầu năm 2025, doanh thu thuần đạt 1.988 tỷ đồng (giảm 8% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 1 tỷ đồng (giảm 98% so với cùng kỳ), chỉ bằng 0,5% dự báo lợi nhuận thuần cả năm của HSC.

Mảng phân phối xe Mercedes: Ghi nhận lỗ do nhu cầu ảm đạm

Trong Q2/2025, mảng phân phối xe Mercedes (do công ty mẹ vận hành) ghi nhận doanh thu thuần 424 tỷ đồng (giảm 41% so với cùng kỳ và 9% so với quý trước) cùng với lỗ thuần 12 tỷ đồng (so với lợi nhuận thuần 1 tỷ đồng trong Q2/2024 và 18 tỷ đồng trong Q1/2025).

Sản lượng tiêu thụ xe Mercedes trong Q2/2025 giảm 43% so với cùng kỳ xuống 303 xe (dù tăng 85% so với quý trước), do người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu với phân khúc xe sang và xu hướng chuyển dịch từ xe xăng sang xe điện – một phần bị tác động bởi chính sách của Chính phủ và thị hiếu tiêu dùng đang thay đổi. Tính chung nửa đầu năm 2025, sản lượng tiêu thụ xe Mercedes đạt 467 xe, mới đạt 38% dự báo cả năm của HSC là 1.221 xe, thấp hơn kỳ vọng.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2025, HAX

Q2/2025 ghi nhận lỗ thuần 4 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T25	So với cùng kỳ	% hoàn thành
Doanh thu thuần	1,029	-8.3%	7.3%	1,988	-8.0%	26.9%
Lợi nhuận gộp	91	-5.2%	-2.6%	185	-3.6%	31.2%
LN TT	18	-38.3%	-22.8%	40	-41.9%	14.0%
LNST	10	-53.2%	-37.7%	27	-50.2%	11.7%
Lợi nhuận thuần	-4	-159.2%	-186.3%	1	-97.6%	0.5%
Tỷ suất LN gộp	8.9%			9.3%		
Tỷ suất LN TT	1.7%			2.0%		
Tỷ suất lợi nhuận thuần	-0.4%			0.0%		

Nguồn: HAX, HSC

Mảng phân phối xe MG: LNST giảm so với cùng kỳ do chi phí tăng mạnh

Trong Q2/2025, mảng phân phối xe MG do công ty con PTM (chưa niêm yết, HAX sở hữu 51,6% cổ phần) vận hành ghi nhận doanh thu thuần 391 tỷ đồng, tăng mạnh 50% so với cùng kỳ và 32% so với quý trước. Tuy nhiên, LNST chỉ đạt 19 tỷ đồng, giảm 25% so với cùng kỳ, dù tăng 30% so với quý trước.

Doanh thu tăng mạnh so với cùng kỳ và so với quý trước chủ yếu nhờ sản lượng tiêu thụ xe MG duy trì tăng trưởng tốt, đạt khoảng 1.100 xe trong Q2/2025, tăng 20% so với cùng kỳ và tăng 10% so với quý trước (theo ước tính của HSC). PTM hiện vẫn là đại lý lớn nhất của MG tại Việt Nam, với khoảng 40% thị phần. Tuy nhiên, với tổng sản lượng tiêu thụ khoảng 2.100 xe trong nửa đầu năm 2025, PTM mới chỉ đạt 26% dự báo cả năm của HSC là 8.000 xe, và thấp hơn kỳ vọng.

Trong khi đó, lợi nhuận của PTM giảm so với cùng kỳ, chủ yếu do cạnh tranh gia tăng trong bối cảnh người tiêu dùng chi tiêu thận trọng, dẫn đến cuộc chiến giá giữa các thương hiệu ô tô, gây áp lực lên tỷ suất lợi nhuận gộp. Bên cạnh đó, chi phí hoạt động tăng mạnh do mở mới showroom và việc giảm hỗ trợ tài chính từ hãng mẹ SAIC (Trung Quốc) trong quá trình mở rộng hoạt động kinh doanh. Điều này khiến chi phí bán hàng & quản lý tăng mạnh 87% so với cùng kỳ và 12% so với quý trước.

Tại thời điểm cuối Q2/2025, PTM đã có 17 showroom MG trên toàn quốc, tăng nhanh so với chỉ 5 showroom tại thời điểm cuối năm 2024. Công ty dự kiến sẽ tiếp tục mở rộng lên 20 showroom trong năm 2025, trong đó 12 showroom sẽ đạt tiêu chuẩn toàn cầu của MG.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

KQKD Q2/2025 của HAX gây thất vọng với khoản lỗ 4 tỷ đồng, kéo lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2025 chỉ đạt 1 tỷ đồng, mới đạt 0,5% dự báo cả năm 2025 của HSC.

Lưu ý, HAX đang lên kế hoạch niêm yết cổ phiếu (IPO) của công ty con PTM, với tiến độ dự kiến vào cuối năm 2025. PTM cũng đã ký hợp đồng trở thành đại lý chính thức của VinFast và khai trương showroom đầu tiên vào tháng 12/2024. Việc mở rộng sang phân phối xe điện có thể phần nào bù đắp sự suy yếu của mảng phân phối xe Mercedes, vốn đang chịu áp lực cạnh tranh gia tăng. HAX cũng có kế hoạch đấu giá lô đất tại TP.HCM, bao gồm một BĐS đầu tư được định giá 542 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2024 (diện tích 6.283 m²). Công ty kỳ vọng giá bán không dưới 180 triệu đồng/m² (so với giá định hiện tại của chúng tôi là 120 triệu đồng/m²), tương ứng giá trị chuyển nhượng tối thiểu là 1.130 tỷ đồng. Nếu bán thành công ở mức giá này, chúng tôi ước tính HAX có thể ghi nhận lợi nhuận tài chính 589 tỷ đồng vào LNTT và 471 tỷ đồng vào lợi nhuận thuần. HSC chưa phản ánh những con số này trong dự báo hiện tại của mình.

Chúng tôi đang xem xét lại giá mục tiêu, khuyến nghị và các dự báo đối với HAX.

Bảng 2: KQKD của Công ty mẹ, HAX

Trong Q2/2025, Mercedes ghi nhận lỗ 12 tỷ đồng (lợi nhuận thuần Q2/2024 là 1 tỷ đồng và Q1/2025 là 18 tỷ đồng trong Q1/2025)

Tỷ đồng	Q2/24	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T24	6T25	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	714	424	-40.6%	-9.3%	1,366	891	-34.8%
Lợi nhuận gộp	30	20	-34.4%	-39.5%	69	52	-24.5%
EBIT	-3	-10	198.8%	-409.7%	2	-7	-498.9%
Lãi/lỗ HĐ tài chính	-1	-10	1,130.8%	-182.2%	3	2	-23.4%
Chi phí BH&QL	-33	-30	-10.3%	2.6%	-67	-59	-12.2%
Thu nhập thuần khác	4	8	126.2%	212.3%	10	11	4.2%
LNST	1	-12	-1,421.1%	-166.7%	13	6	-55.3%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	4.2%	4.6%			5.0%	5.8%	
Tỷ suất LNTT	0.2%	-2.9%			1.2%	0.7%	

Nguồn: HAX, HSC

Bảng 3: KQKD của PTM

Trong Q2/2025, LNST của MG giảm 25% so với cùng kỳ nhưng cải thiện 30% so với quý trước

Tỷ đồng	Q2/24	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T24	6T25	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	260	391	50.3%	31.8%	460	688	49.5%
Lợi nhuận gộp	52	59	13.0%	20.2%	82	107	30.2%
EBIT	30	17	-42.3%	45.3%	49	29	-41.3%
Lãi/lỗ HĐ tài chính	2	-3	-291.9%	4,659.7%	-2	-3	60.8%
Chi phí BH&QL	-22	-42	86.5%	12.3%	-33	-79	135.0%
Thu nhập thuần khác	3	10	183.9%	44.2%	5	16	260.4%
LNST	25	19	-24.6%	30.3%	41	33	-19.1%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	19.9%	15.0%			17.9%	15.6%	
Tỷ suất LNTT	13.3%	6.1%			11.2%	6.1%	

Nguồn: PTM, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	3,982	5,513	7,394	9,193	10,588
Lợi nhuận gộp	277	512	592	731	839
Chi phí BH&QL	(221)	(312)	(348)	(432)	(498)
Thu nhập khác	30.0	80.7	73.9	91.9	106
Chi phí khác	(0.80)	(0.37)	(0.49)	(0.61)	(0.70)
EBIT	84.9	280	317	391	447
Lãi vay thuần	(36.7)	(22.1)	(30.2)	(38.6)	(45.1)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	48.1	258	287	352	402
Chi phí thuế TNDN	(11.1)	(54.8)	(57.5)	(70.4)	(80.3)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(2.47)	(78.6)	(87.1)	(109)	(126)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	34.6	125	143	173	195
Lợi nhuận thuần ĐC	34.6	125	143	173	195
EBITDA ĐC	108	337	365	442	501
EPS (đồng)	370	1,163	1,329	1,606	1,818
EPS ĐC (đồng)	370	1,163	1,329	1,606	1,818
DPS (đồng)	300	1,000	1,200	1,500	1,800
Sig CP bình quân (triệu đv)	93.4	107	107	107	107
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	93.4	107	107	107	107
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	93.4	107	107	107	107

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	120	262	394	373	320
Đầu tư ngắn hạn	0	3.00	3.00	3.00	3.00
Phải thu khách hàng	213	340	407	496	561
Hàng tồn kho	696	661	739	873	953
Các tài sản ngắn hạn khác	42.6	49.8	73.9	91.9	106
Tổng tài sản ngắn hạn	1,072	1,316	1,617	1,838	1,943
TSCĐ hữu hình	370	453	949	981	1,012
TSCĐ vô hình	10.9	10.7	10.6	10.4	10.2
Bất động sản đầu tư	469	542	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1.25	1.86	1.86	1.86	1.86
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	82.8	84.1	118	147	169
Tổng tài sản dài hạn	935	1,091	1,080	1,141	1,193
Tổng cộng tài sản	2,006	2,407	2,697	2,978	3,137
Nợ ngắn hạn	700	670	887	1,103	1,218
Phải trả người bán	44.7	99.3	111	138	159
Nợ ngắn hạn khác	29.3	39.4	39.4	39.4	39.4
Tổng nợ ngắn hạn	839	915	1,192	1,462	1,618
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	2.53	0.34	0.34	0.34	0.34
Nợ dài hạn khác	0.32	0.20	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	2.85	0.54	0.34	0.34	0.34
Tổng nợ phải trả	842	916	1,193	1,462	1,619
Vốn chủ sở hữu	1,115	1,203	1,217	1,229	1,231
Lợi ích cổ đông thiểu số	49.0	287	287	287	287
Tổng vốn chủ sở hữu	1,164	1,491	1,505	1,516	1,518
Tổng nợ phải trả và VCSH	2,006	2,407	2,697	2,978	3,137
BVPS (đ)	12,459	13,875	14,004	14,110	14,128
Nợ thuần*/(tiền mặt)	579	408	493	730	897

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	84.9	280	317	391	447
Khấu hao	(23.4)	(56.6)	(47.6)	(50.9)	(54.3)
Lãi vay thuần	(36.7)	(22.1)	(30.2)	(38.6)	(45.1)
Thuế TNDN đã nộp	(35.7)	(20.2)	(57.5)	(70.4)	(80.3)
Thay đổi vốn lưu động	367	80.6	(85.7)	(170)	(102)
Khác	39.2	(0.24)	(111)	(126)	(138)
LCT thuần từ HKKD	433	367	80.0	35.8	133
Đầu tư TS dài hạn	(401)	(371)	(2.07)	(82.7)	(84.7)
Góp vốn & đầu tư	0	(3.00)	0	0	0
Thanh lý	402	210	0	0	0
Khác	0.58	0.70	(34.2)	(28.8)	(22.3)
LCT thuần từ HĐĐT	0.77	(164)	(36.3)	(112)	(107)
Cổ tức trả cho CSH	(36.0)	(31.5)	(129)	(161)	(193)
Thu từ phát hành CP	14.0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(452)	(29.9)	218	216	114
Khác	0	0	(0.20)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(474)	(61.4)	88.5	54.7	(78.9)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	160	120	262	394	373
LCT thuần trong kỳ	(40.3)	142	132	(21.0)	(52.7)
Ảnh hưởng của tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	120	262	394	373	320
Dòng tiền tự do	31.5	(4.33)	78.0	(47.0)	48.5

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	6.96	9.29	8.00	7.96	7.92
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.72	6.11	4.94	4.80	4.73
Tỷ suất LNT (%)	0.87	2.27	1.93	1.88	1.85
Thuế TNDN hiện hành (%)	23.0	21.2	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(41.2)	38.5	34.1	24.3	15.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(68.4)	211	8.31	21.0	13.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(85.6)	261	14.2	20.9	13.2
Tăng trưởng EPS (%)	(85.6)	214	14.2	20.9	13.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(85.6)	214	14.2	20.9	13.2
Tăng trưởng DPS (%)	(40.0)	233	20.0	25.0	20.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	81.0	86.0	90.3	93.4	99.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	3.40	10.8	11.8	14.1	15.9
ROACE (%)	7.31	21.1	21.2	25.9	29.4
Vòng quay tài sản (lần)	1.74	2.50	2.90	3.24	3.46
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	5.10	1.31	0.25	0.09	0.30
Số ngày tồn kho	68.6	48.2	39.7	37.7	35.7
Số ngày phải thu	21.0	24.8	21.8	21.4	21.0
Số ngày phải trả	4.40	7.25	5.95	5.95	5.95
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	56.9	39.2	49.6	70.6	85.8
Nợ/tài sản (%)	37.6	30.5	37.0	41.7	43.9
EBIT/lãi vay (lần)	2.31	12.7	10.5	10.1	9.91
Nợ/EBITDA (lần)	6.97	2.17	2.73	2.81	2.75
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.28	1.44	1.36	1.26	1.20
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.53	0.39	0.31	0.27	0.25
EV/EBITDA ĐC (lần)	19.5	6.44	6.18	5.64	5.31
P/E (lần)	44.3	14.1	12.3	10.2	9.02
P/E ĐC (lần)	44.3	14.1	12.3	10.2	9.02
P/B (lần)	1.32	1.18	1.17	1.16	1.16
Lợi suất cổ tức (%)	1.83	6.10	7.32	9.15	11.0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn